

Bản án số: 10/ 2025/ HNGĐ-ST

Ngày: 29.7.2025.

V/v “Tranh chấp Hôn nhân & gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NGHỆ AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh,
Ông Nguyễn Bá Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhật Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hôn nhân & gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Tăng Thị T, sinh năm 2004; Nơi cư trú: Xóm Y, xã B, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Vũ Xuân Q, sinh năm 1995; Nơi cư trú: xóm Y, xã B, tỉnh Nghệ An; Hiện đang chấp hành án tù giam tại Trại Giam S, Cục C, Bộ C1, Vắng mặt (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Xuân Q đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2024 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Nay là UBND xã B, tỉnh Nghệ An). Hôn nhân có tình cảm và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, sau khi kết hôn anh Q đi tù vì sử dụng trái phép chất ma túy đến nay. Sau một thời gian đồng hành cùng anh Q thì chị không còn tình cảm nữa, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống

chung không thể kéo dài, không có hạnh phúc nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q để sớm ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung, không có con nuôi và hiện chị T cam đoan không đang mang thai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ngày 17/6/2025 chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vũ Xuân Q trình bày: Năm 2024 anh kết hôn với chị T, hôn nhân có tình cảm và hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng từ tháng 01/2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Q sử dụng trái phép chất ma túy phạm tội nên phải chấp hành án tại Trại giam S. Nay chị T xin ly hôn, thấy tình cảm của anh và chị T không còn nữa nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Q khẳng định vợ chồng không có con chung, không có con nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bị đơn còn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử tuân theo đúng qui định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng qui định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng qui định.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T được ly hôn với anh Q.

Về con chung và Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị T và anh Q đều khẳng định vợ chồng không có con chung, không có con nuôi, chị T khẳng định hiện không đang mang thai và đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo qui định.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Vụ án Hôn nhân và Gia đình không có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nhưng do Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm Nguyên đơn xin ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xã B, tỉnh Nghệ An). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Nghệ An) theo quy định tại khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục hòa giải: Do đương sự có yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ và hòa giải các quan hệ khác nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nhưng đều đã trình bày đầy đủ ý kiến, nguyện vọng về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều không có mặt và cũng đã đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tăng Thị T và anh Vũ Xuân Q là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2024 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã B, tỉnh Nghệ An). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q vi phạm pháp luật phải chấp hành án. Sau một thời gian chị T đã đồng hành thì chị T xác định không còn tình cảm, không còn tình nghĩa vợ chồng với anh Q nữa do phải ly thân. Thực tế vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm giúp đỡ nhau nữa nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn để xử cho chị T được ly hôn với anh Q theo qui định tại khoản 3 điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; điều 56 Luật hôn nhân & gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh Q đều khẳng định vợ chồng không có con chung, không có con nuôi. Chị T cam kết không đang mang thai và đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T và anh Q đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Tăng Thị T phải chịu án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban T1 vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định tại các điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 28, 39, khoản 4 điều 147, khoản 4, điều 207, điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tăng Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị T được ly hôn với anh Vũ Xuân Q.

1.2. Về con chung: Chị Tăng Thị T và anh Vũ Xuân Q đều khẳng định vợ chồng không có con chung, không có con nuôi. Chị T cam kết hiện không đang mang thai và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Tăng Thị T và anh Vũ Xuân Q đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Tăng Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí của chị T được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006735 ngày 29/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6 – Nghệ An thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Tăng Thị T và anh Vũ Xuân Q đều vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An (phòng THADS Khu vực 6 – Nghệ An);
- UBND xã Bình Minh, tỉnh Nghệ An

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

Ngô Văn Phú